

**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYÊN ĐỔI SỐ CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON
NĂM HỌC 2025 -2026**

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG MẦM NON PHƯỜNG HỒNG, PHƯỜNG NAM ĐỊNH

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Kết quả tự đánh giá		Ghi chú, yêu cầu, minh chứng
				Điểm tự đánh giá	Minh chứng kết quả	
1	Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CDS)	Điều kiện bắt buộc	Điều kiện bắt buộc	Có thực hiện	Kế hoạch năm học của nhà trường có lồng ghép nội dung ứng dụng CNTT, chuyển đổi số Kế hoạch tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2025-2026 Các kế hoạch được tuyên truyền tới toàn thể đội ngũ CBGVNV nhà trường	Yêu cầu: Kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số được xây dựng, công bố trên cổng thông tin điện tử của đơn vị từ đầu năm học (có thể lồng ghép với kế hoạch chung của nhà trường). Kế hoạch cần thể hiện mục tiêu cải thiện các chỉ số trong Bộ chỉ số, phù hợp với quy định hiện hành, hướng dẫn của UBND Phường Nam Định, đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu và khả năng của đơn vị Minh chứng: Kế hoạch và việc tuyên truyền kế hoạch tới toàn thể đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của đơn vị và các minh chứng khác
2	Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ			57		Mức độ: Mức độ 1: dưới 20 điểm ; Mức độ 2: từ 20-45 điểm ; Mức độ 3: trên 45 điểm Yêu cầu: - Đơn vị triển khai được các ứng dụng (phần mềm, giải pháp hoặc hệ thống CNTT) hỗ trợ công tác quản lý, quản trị (từ mục 2.1, ..., 2.7), hỗ trợ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ (từ mục 2.8, ..., 2.11). - Các ứng dụng cần đáp ứng về yêu cầu về thông tin, nghiệp vụ, công tác quản lý của ngành. - Các ứng dụng triển khai cần đánh giá về hiệu quả, tần suất sử dụng. - Có thể sử dụng ứng dụng, giải pháp của các nhà cung cấp khác nhau, tuy nhiên ưu tiên các ứng dụng, giải pháp có sự đồng bộ, kết nối. Minh chứng: - Thông tin của ứng dụng: tên ứng dụng; đơn vị cung cấp, hình thức: tự xây dựng/ mua/thuê /cấp trên triển khai...; kinh phí: miễn phí/trả phí (kinh phí cụ thể); đường link ứng dụng... - Hợp đồng kinh tế hoặc thỏa thuận hợp tác theo quy định của pháp luật trong đó cần lưu ý một số nội dung như: hồ sơ thiết kế, hồ sơ cấp độ an toàn thông tin mạng và chức năng của ứng dụng; quy định về quyền sở hữu đối với dữ liệu; quy định việc đảm bảo về an ninh, an toàn thông tin;... - Minh chứng việc tuyên truyền, phổ biến, triển khai ứng dụng: Văn bản/ Quy chế quản lý/ hướng dẫn sử dụng / Hội nghị ... do lãnh đạo đơn vị ban hành, triển khai - Minh chứng việc sử dụng: dữ liệu trên hệ thống; hồ sơ, sổ sách, hình ảnh chụp màn hình sử dụng,...
2.1	Quản lý thông tin trẻ em		5	5	Có triển khai sử dụng phần mềm Quản lý nhà trường https://vtsmas.vn/ , và đáp ứng các yêu cầu về thông tin trẻ em của ngành Giáo dục.	Cách đánh giá: Có triển khai 2,5 điểm; Đáp ứng các yêu cầu về thông tin, quản lý của ngành: 2,5 điểm

STT	Tên đề	Điểm số đề	Điểm thành		Kết quả tự đánh giá	Cách đánh giá
2.2	Quản lý thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em	60	5	5	Đã triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin theo dõi sức khỏe trẻ em của ngành Giáo dục: theo dõi cân nặng chiều cao của trẻ qua phần mềm https://vtsmas.vn/	Cách đánh giá: Có triển khai 2,5 điểm; Đáp ứng các yêu cầu về thông tin, quản lý của ngành: 2,5 điểm
2.3	Quản lý thông tin cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên		5	5	Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin cán bộ quản lý, giáo viên của ngành Giáo dục qua phần mềm quản lý Công chức, viên chức https://ecvnamdinh.vn/vn/	Cách đánh giá: Có triển khai 2,5 điểm; Đáp ứng các yêu cầu về thông tin, quản lý của ngành: 2,5 điểm
2.4	Quản lý thông tin y tế trường học.		5	5	Đã triển khai sử dụng phần mềm Quản lý nhà trường https://vtsmas.vn/ và đáp ứng yêu cầu về thông tin y tế trường học của ngành Giáo dục.	Cách đánh giá: Có triển khai 2,5 điểm; Đáp ứng các yêu cầu về thông tin, quản lý của ngành: 2,5 điểm
2.5	Quản lý thông tin phổ cập giáo dục.		5	5	Đã triển khai sử dụng Hệ thống thông tin phổ cập giáo dục - xóa mù chữ https://pcgd.moet.gov.vn/ đáp ứng các yêu cầu về thông tin phổ cập giáo dục của ngành Giáo dục.	Cách đánh giá: Có triển khai 2,5 điểm; Đáp ứng các yêu cầu về thông tin, quản lý của ngành: 2,5 điểm
2.6	Quản lý thông tin tài sản, tài chính		3	3	Nhà trường đã triển khai sử dụng phần mềm https://qltsapp.misa.vn/ để quản lý thông tin tài sản, tài chính và đáp ứng các yêu cầu về thông tin tài sản, tài chính với mức phí là 9.000.000.000 đồng/năm (trong đó quản lý tài chính misa với mức phí 6.000.000 đồng/ năm là và quản lý tài sản với mức phí 3.000.000 đồng/ năm)	Cách đánh giá: Có triển khai 1,5 điểm; Đáp ứng các yêu cầu về thông tin, quản lý của ngành: 1,5 điểm
2.7	Quản lý văn bản điện tử		3	3	Có triển khai và đáp ứng các yêu cầu quản lý văn bản điện tử trên hệ thống https://vpdtd.vnptioffice.vn/ với mức phí là 756.000 đồng/năm.	Cách đánh giá: Có triển khai 1,5 điểm; Đáp ứng các yêu cầu về thông tin, quản lý của ngành: 1,5 điểm
2.8	Tiện ích tính toán khẩu phần ăn, hàm lượng dinh dưỡng, thực đơn hằng ngày theo chế độ dinh dưỡng cần thiết và phù hợp với sự phát triển của trẻ		7	5	Chưa triển khai mua phần mềm, thực hiện trên Excel và có thông báo với phụ huynh học sinh về thực đơn của theo mùa và đăng tải trên Website của nhà trường, qua zalo của nhóm lớp, bảng tuyên truyền hàng ngày của lớp và của nhà trường	Cách đánh giá: Triển khai 3,5 điểm và Thông báo 3,5 điểm - Triển khai: Không triển khai 0 điểm; Có triển khai, đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ: 3,5 điểm. - Thông báo đến cha mẹ trẻ thường xuyên: Theo Tháng: 1,5 điểm; Theo Tuần: 3,5 điểm

STT	Tiêu chí	Niệm vụ	Điểm thành		Kết quả tự đánh giá	Chỉ số ưu cầu minh chứng
2.9	Chức năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ		7	6	Giáo viên đã sử dụng một số ứng dụng như canva, Powerpoint, chat PT, capcut, photoshop, heyzine, capilot, gama apps... để xây dựng hình ảnh, video, bài giảng, sách điện tử, cắt ghép, chỉnh hình ảnh,... phục vụ cho hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ nhưng tần suất chưa cao. Điều là sử dụng các phần mềm miễn phí.	Cách đánh giá: Triển khai 3,5 điểm và Tần suất 3,5 điểm - Triển khai: Không triển khai 0 điểm; Có triển khai, đáp ứng yêu cầu: 3,5 điểm. - Tần suất sử dụng: Theo Quý: 1,5 điểm; Theo Tháng: 2,5 điểm; Theo Tuần: 3,5 điểm
2.10	Chức năng phối hợp, tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường.		7	7	Đã thực hiện tiếp nhận thông tin phản hồi của cha mẹ trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ qua hệ thống nhóm zalo của các nhóm/lớp[H2-08]. Tỷ lệ cha mẹ trẻ tham gia các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường thường xuyên	Cách đánh giá: Triển khai 3,5 điểm và Tần suất 3,5 điểm - Triển khai: Không triển khai 0 điểm; Có triển khai, đáp ứng yêu cầu: 3,5 điểm. - Tần suất sử dụng: Theo Quý: 1,5 điểm; Theo Tháng: 2,5 điểm; Theo Tuần: 3,5 điểm
2.11	Chức năng tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ em cho cha mẹ trẻ em và cộng đồng.		2.5	2,5	Đã thực hiện tiếp nhận thông tin phản hồi của cha mẹ trẻ về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ qua hệ thống nhóm zalo của các nhóm/lớp. Tỷ lệ cha mẹ trẻ tham gia các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo kế hoạch của nhà trường thường xuyên	Cách đánh giá: Triển khai 01 điểm và Tần suất 1,5 điểm - Triển khai: Không triển khai 0 điểm; Có triển khai: 1 điểm; - Tần suất: Theo Quý: 0,5 điểm; Theo Tháng: 1 điểm; Theo Tuần: 1,5 điểm
2.12	Kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục (do Bộ GDĐT quản lý)		5.5	5,5	Nhà trường đã thực hiện kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục https://csdl.moet.gov.vn/ qua hệ thống quản lý nhà trường https://vtmas.vn/ và https://dongbo.csdl.edu.vn/	Cách đánh giá: Có kết nối (API) và trao đổi đầy đủ dữ liệu với các nội dung triển khai trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục do Sở GDĐT và Bộ GDĐT quản lý đã cho phép kết nối, trao đổi dữ liệu. Thiếu kết nối 01 nội dung trừ 0,5 điểm; không có kết nối: 0 điểm.
2.13	Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	Điều kiện bắt buộc	Điều kiện bắt buộc	Có thực hiện	Có quyết định ban hành quy chế và Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ. Triển khai tuyên truyền thông báo tới CBGVNV nhà trường	Yêu cầu - Đơn vị cần xây dựng và ban hành văn bản, quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng đối với từng ứng dụng đang triển khai tại đơn vị, trong đó lưu ý có phân công trách nhiệm, quyền hạn của từng cá nhân khi sử dụng, ... - Triển khai văn bản, quy chế, hướng dẫn tới các thành viên có liên quan của đơn vị Minh chứng: - Văn bản, quy chế, hướng dẫn ... do lãnh đạo đơn vị ban hành, triển khai - Minh chứng công khai: Hồ sơ, sổ sách hợp, hình ảnh việc tuyên truyền, thông báo tới các thành viên, các chuyên mục công khai, đường link...

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành	Kết quả tự đánh giá		Chi tiết về các minh chứng
3	Triển khai dịch vụ trực tuyến	12		8		<p>Mức độ: Mức độ 1: dưới 04 điểm ; Mức độ 2: từ 04-08 điểm ; Mức độ 3: trên 08 điểm</p> <p>Yêu cầu: Các dịch vụ cần đáp ứng về yêu cầu nghiệp vụ, yêu cầu về quản lý và đạt hiệu quả sử dụng; Các ứng dụng triển khai ngoài việc được đánh giá dựa trên việc có triển khai và đáp ứng các yêu cầu về thông tin quản lý thì cần đánh giá về hiệu quả, tần suất sử dụng dịch vụ theo quy định</p> <p>Minh chứng: - Thông tin của dịch vụ như: tên dịch vụ, phần mềm; đơn vị cung cấp, hình thức: tự xây dựng/ mua/ thuê / được cấp trên cấp; kinh phí: miễn phí/cụ thể hình thức trả phí; đường link ứng dụng... - Hợp đồng kinh tế hoặc thỏa thuận hợp tác theo quy định của pháp luật với các đơn vị cung cấp; hồ sơ thiết kế, chức năng của ứng dụng... - Minh chứng việc tuyên truyền, phổ biến, triển khai dịch vụ: Văn bản/ Quy chế quản lý/ hướng dẫn sử dụng... do lãnh đạo đơn vị ban hành, triển khai - Minh chứng việc sử dụng: dữ liệu trên hệ thống; hồ sơ, sổ sách, hình ảnh chụp màn hình sử dụng, bài viết...</p>
3.1	Dịch vụ tuyển sinh đầu cấp mầm non trực tuyến		4	0		<p>Cách đánh giá: Có triển khai và đáp ứng yêu cầu của của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên, tối đa 4 điểm; không triển khai: 0 điểm</p>
3.2	Dịch vụ kết nối giữa gia đình và cơ sở giáo dục		4	4	Nhà trường đã thực hiện kết nối qua nhóm zalo của các nhóm/lớp, đảm bảo đầy đủ thông tin thông báo, cha mẹ trẻ có thể xin nghỉ học, phản hồi lại thông tin với giáo viên, giáo viên có thể gửi file đánh giá cho cha mẹ trẻ.	<p>Yêu cầu: Dịch vụ triển khai qua ứng dụng web/thiết bị thông minh/ mạng xã hội/ OTT (over the top) gồm tối thiểu các chức năng: thông tin thông báo, điểm danh, xin nghỉ học, phản hồi, đánh giá; thường xuyên sử dụng.</p> <p>Cách đánh giá: Triển khai 02 điểm và Tần suất 02 điểm - Triển khai: Không triển khai 0 điểm; Có triển khai: 2 điểm; thiếu 01 chức năng trừ 0,5 điểm. - Tần suất: Theo Quý: 0,5 điểm; Theo Tháng: 1 điểm; Theo Tuần: 2 điểm</p>
3.3	Dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt		4	4	Nhà trường đã có tài khoản riêng và đã triển khai thực hiện các hoạt động giao dịch qua tài khoản ngân hàng và thực hiện các khoản thu không dùng tiền mặt mà thu thông qua TK ngân hàng Vietinbank	<p>Yêu cầu: Đơn vị có tài khoản ngân hàng thực hiện các khoản thu và phát sinh giao dịch đối với các khoản thu; thường xuyên sử dụng</p> <p>Cách đánh giá: Triển khai 02 điểm và Tần suất 02 điểm - Có triển khai 02 điểm; không triển khai: 0 điểm - Thực hiện thu theo 06 tháng: 0,5 điểm; theo Quý: 1 điểm; theo tháng: 2 điểm.</p>

		Điểm thành	Kết quả tự đánh giá		
4	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số	20	18		<p>Mức độ: Mức độ 1: dưới 05 điểm, Mức độ 2: từ 05-15 điểm, Mức độ 3: trên 15 điểm</p> <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong năm học đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tại đơn vị được tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn do đơn vị, các cơ quan quản lý cấp trên tổ chức thông qua nền tảng số; - Cán bộ quản lý, giáo viên biết sử dụng, khai thác được các ứng dụng CNTT, học liệu điện tử để hỗ trợ công việc. <p>Minh chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng của đơn vị, của đơn vị cấp trên; - Văn bản/quy chế việc ứng dụng CNTT trong công việc tại đơn vị - Văn bản/danh sách công nhận giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, danh sách giáo viên được bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn trong năm của thủ trưởng đơn vị; - Bảng thống kê về số lượng tỷ lệ tương ứng với danh sách; - Danh sách các ứng dụng, phần mềm, học liệu đã triển khai để hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong đơn vị; - Minh chứng thực tế việc áp dụng các ứng dụng CNTT, khai thác học liệu trong công việc tham gia bồi dưỡng tập huấn: bài viết, hình ảnh, Hồ sơ sổ sách / Kế hoạch bài dạy/ Cuộc thi hội thi...
4.1	Tỷ lệ giáo viên sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	10	10	Giáo viên đã sử dụng được ứng dụng, khai thác học liệu hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, đạt tỷ lệ 80-100%.	Cách đánh giá: Tỷ lệ >80%: 10 điểm; tỷ lệ từ trên 60%-80%: 7,5 điểm; tỷ lệ từ trên 40%-60%: 05 điểm; tỷ lệ từ trên 10%-40%: 2,5 điểm; tỷ lệ dưới 10%: 0 điểm
4.2	Tỷ lệ giáo viên hằng năm được tập huấn, bồi dưỡng (gồm cả bồi dưỡng cấp chứng chỉ, giấy chứng nhận) nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số	10	8	Tỷ lệ giáo viên hằng năm được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn thông qua nền tảng số (ứng dụng Google meet, Zoom) đạt tỷ lệ 60-80%	Cách đánh giá: Tỷ lệ >80%: 10 điểm; tỷ lệ từ trên 60%-80%: 7,5 điểm; tỷ lệ từ trên 40%-60%: 05 điểm; tỷ lệ từ trên 10%-40%: 2,5 điểm; tỷ lệ dưới 10%: 0 điểm
5	Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ		8		<p>Mức độ: Mức độ 1: dưới 03 điểm; Mức độ 2: từ 03-06 điểm; Mức độ 3: trên 06 điểm</p> <p>Yêu cầu: Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng, các phòng học, phòng chuyên môn, trang thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản trị trong đơn vị và đáp ứng yêu cầu về quản lý, sử dụng.</p> <p>Minh chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảng danh mục trang thiết bị các phòng học, phòng chuyên môn, phòng khác (STT, Tên phòng (lớp), số máy tính, số máy chiếu, Số Tivi, kết nối internet, trang thiết bị khác). - Thống kê, tổng hợp, tính tỷ lệ các phòng học/Phòng chuyên môn/văn phòng đảm bảo theo yêu cầu. - Có văn bản, hồ sơ, sổ sách minh chứng việc thực hiện kiểm tra, rà soát, đầu tư, duy trì, vận hành, quản lý, sử dụng hạ tầng, thiết bị tại đơn vị.

STT	Tiêu chí	Mức đạt	Điểm thành		Kết quả tự đánh giá	Cách đánh giá
5.1	Tỉ lệ phòng học có thiết bị hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet		4	4	Các lớp học có thiết bị tivi, máy tính, thiết bị phụ trợ khác (dây HDMI, USB...) hỗ trợ triển khai các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và được kết nối Internet. Nhà trường có đường truyền internet ổn định, có hợp đồng với nhà mạng Viettel	Cách đánh giá: Tỉ lệ >50%: 04 điểm; tỉ lệ từ trên 30%-50%: 03 điểm; tỉ lệ từ trên 10%-30%: 02 điểm; tỉ lệ từ trên 05% -10%: 01 điểm, tỉ lệ <05%: 0 điểm
5.2	Máy tính kết nối Internet phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non		4	4	Có 8 máy tính kết nối Internet, 07 máy in, có ti vi phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn của nhà trường.	Cách đánh giá: Có máy tính phục vụ công tác văn phòng và các tổ chuyên môn: tối đa 04 điểm; có máy tính phục vụ công tác văn phòng: 02 điểm; không có máy: 0 điểm
Tổng điểm		100	100	91		

Kết luận: Tiêu chí 1: Ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số (CDS): Đạt , Mức độ: Đáp ứng

Tiêu chí 2: Triển khai ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ: Tổng điểm: 57 điểm, Đạt mức độ: 3

Trong đó: Ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng ứng dụng quản trị, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ: Đạt , Mức độ: Đáp ứng

Tiêu chí 3: Triển khai dịch vụ trực tuyến: Tổng điểm: 8 điểm, Đạt mức độ: 2

Tiêu chí 4: Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: Tổng điểm: 18 điểm, Đạt mức độ: 3

Tiêu chí 5: Hạ tầng, thiết bị phục vụ quản trị, hỗ trợ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ: Tổng điểm: 8 điểm, Đạt mức độ: 3

Tổng điểm các tiêu chí : Tổng điểm: 91 điểm, Đạt mức độ: 3

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ



